

Sổ tay an toàn đời sống

生活安全ハンドブック

Chúng tôi tạo ra cuốn sổ tay này để người nước ngoài sinh sống tại tỉnh Kochi có thể sinh sống an toàn và bình yên.

このハンドブックは、県内に居住されている外国人の方が、安全で平穏な生活をしていただくために作成しました。



Cảnh sát tỉnh Kochi

高知県警察

Cảnh sát tỉnh Kochi chúng tôi luôn hoạt động 24/24 để tạo ra thành phố an toàn và thoải mái cho tất cả mọi người.

Trong thời gian sinh sống ở Kochi, nếu bạn gặp vấn đề gì đó như tai nạn, bị thiệt hại do tội phạm gây ra v.v., hãy thông báo với cảnh sát.

Chúng tôi sẽ giải quyết vấn đề đó một cách nhanh chóng.

Cuốn sổ tay này giải thích các điều cơ bản để phòng chống tội phạm và tai nạn giao thông mà chúng tôi muốn các bạn lưu tâm.

Chúng tôi rất mong các bạn tham khảo cuốn sổ tay này để tránh bị liên quan đến các vụ việc, tai nạn và có thể sống vui vẻ mỗi ngày.

私達高知県警察は、人々の安全と快適な町づくりを目指し、24時間フル活動しています。
高知に滞在中に犯罪や事故など何か困ったことがあれば警察に通報して下さい。素早く問題の解決に当たります。
このハンドブックは、平素心がけて欲しい防犯と事故防止の基本を説明したものです。
是非参考としていただき、事件事故に関わることなく、楽しく充実した毎日を過ごされるようお願いしております。



Công an tỉnh Kochi

Địa chỉ: 2-4-30 Marunouchi, thành phố Kochi, tỉnh Kochi

Số điện thoại: 088-826-0110

<http://www.police.pref.kochi.lg.jp/>

Mục lục 目次

☆ Liên quan đến số 110	3
110番関係	
☆ Phương pháp phòng ngừa thiệt hại do tội phạm gây ra	4
犯罪の被害予防策	
☆ Thủ tục cần làm khi bị cướp, bị ăn cắp, bị xâm hại tình dục	5
強盗、窃盗 性犯罪被害に遭った時の手順	
☆ Về xe đạp, xe máy để lâu không dùng	6
放置自転車・バイクについて	
☆ Khi đánh rơi hoặc bỏ quên đồ	6
落とし物や忘れ物をした時	
☆ Luật giao thông	7
交通ルール	
☆ Bằng lái xe	8
運転免許	
☆ Tai nạn giao thông	10
交通事故	
☆ Thông báo	11
お知らせ	
☆ Tài liệu tham khảo	13
参考資料	

Liên quan đến số 110

<Số 110 là gì?>

Số 110 là số điện thoại để những người gặp hoặc biết về tội phạm, tai nạn giao thông liên lạc khẩn cấp cho cảnh sát để báo về vụ việc đã xảy ra.

<Cách gọi tới số 110>

Với điện thoại phổ thông, nhắc ống nghe điện thoại rồi bấm (quay) số 110.

Với điện thoại công cộng màu xanh lá cây, nhắc ống nghe điện thoại rồi bấm “nút SOS (khẩn cấp) màu đỏ” rồi bấm (quay) số 110.

Không cần cho tiền xu hoặc thẻ điện thoại vào.

<7 điểm lưu ý khi gọi số 110>

1. Chuyện gì đã xảy ra
2. Chuyện đó xảy ra khi nào?
3. Những địa điểm nổi bật và dễ nhận biết như tòa nhà v.v.
4. Có/không có người bị thương, có cần xe cấp cứu không
5. Số tội phạm, tướng mạo, trang phục, đặc điểm v.v.
6. Tội phạm đã chạy trốn như thế nào, đi bằng ô tô như thế nào, đi về hướng nào
7. Họ tên, địa chỉ nhà, thông tin liên lạc của bạn, mối quan hệ của bạn với vụ án

Nếu không thể nói được tiếng Nhật, bạn hãy đưa thẻ số 110 của người nước ngoài cho người ở xung quanh bạn và nhờ người đó gọi điện thoại giúp bạn.

110番関係

<110番とは？>

「110番」は、事件事故の被害に遭った方、または、事件事故を知った方が警察へ緊急に通報するための電話です。

<110番のかけ方>

一般加入電話では受話器をあげ「110」とボタンを押す（ダイヤルする）。

一般的な緑色の公衆電話では、受話器をあげ「赤色SOS」ボタンを押した後「110」とボタンを押す（ダイヤルする）。

硬貨やテレホンカードの挿入の必要はありません。

<110番のかけ方7つのポイント>

1「何が起きたか」2「発生時間は？」3「場所等目印になる建物等」4「怪我の有無、救急車の手配」5「犯人の人数、人相、服装、特徴等」6「犯人はどうやって逃げたか、どんな車で、どの方向へ」7「あなたの名前、住所、連絡先、関係」

Phương pháp phòng ngừa thiệt hại do tội phạm gây ra

～Hãy chú ý những điều dưới đây～

<Để không bị thiệt hại do trộm cắp>

- Hành vi xâm nhập vào nhà và lấy cắp đồ: Dù ra khỏi nhà trong thời gian ngắn thì cũng hãy khóa cửa.

Ngoài ra, bạn hãy nhờ hàng xóm trông nhà giúp.

- Hành vi lấy cắp đồ bỏ quên: Bạn hãy để ý đến những đồ dùng thường mang theo, đừng để đồ ở những nơi xa bạn.

- Hành vi cướp giật: Bạn hãy cầm chặt túi xách ở bên ngược lại với đường ô tô.

- Hành vi lấy trộm xe đạp: Khi không ở gần xe đạp, bạn hãy khóa xe cẩn thận.

Bạn hãy đăng ký phòng chống mất cắp nhé

Nếu bạn bị lấy cắp xe đạp, cảnh sát có thể bắt đầu tìm xe ngay và khả năng tìm thấy sẽ cao hơn.

Bạn đừng để xe đạp một chỗ và không dùng trong thời gian dài.

<Để không gặp tội phạm trên đường vào đêm tối>

Trời càng tối, bạn càng dễ bị vướng vào các vụ án hình sự.

Một số nhầm lẫn nhỏ xảy ra khi giao tiếp v.v. có nguy cơ khiến bạn vướng vào tội phạm.

* Bạn đừng đi một mình vào buổi tối.

* Dù là đi đường tắt thì bạn cũng nên tránh những nơi không có ánh đèn sáng.

* Nếu có thể thì bạn hãy ra ngoài cùng bạn bè người Nhật.

* Bạn hãy luôn mang theo bên mình thông tin liên lạc khi khẩn cấp.

犯罪の被害予防策～次のことに注意して下さい～

<泥棒の被害に遭わないために>

- 侵入盗: 短時間の外出でも必ず戸締まりをしましょう。また、隣人に留守の注意をお願いしておきましょう。
- 置き引き: 常に手荷物に注意し、手荷物を離れた場所に放置しないようにしましょう。
- ひったくり: ハンドバックなどは車の通る反対側にしっかりと持ちましょう。
- 自転車盗: 自転車から離れる時は、必ず鍵を掛けましょう。防犯登録は必ずしておきましょう。盗まれた場合に手配が確実にでき、発見が容易になります。長時間放置しないようにしましょう。

<夜間路上犯罪に遭わないために>

夜遅くなると、事件に巻き込まれる危険が増大します。コミュニケーション等の原因から些細な誤解を生み、犯罪に巻き込まれる可能性があります。

* 夜の一人歩きは避けましょう。 * 近道でも、街灯のない暗い場所は避けましょう。

* できれば日本人の友達と一緒に出かけましょう。 * 常に緊急時の連絡先のメモを携帯しましょう。

Thủ tục khi bị ăn cắp, cướp giật tài sản

- Bạn nên gọi số 110 ngay lập tức hoặc thông báo cho sở cảnh sát, đồn cảnh sát gần nhất.
- Bạn hãy giữ nguyên hiện trường vụ án, đừng dọn dẹp gì cả.
- Bạn hãy sắp xếp phòng mình ngăn nắp để khi bị mất cắp, bạn có thể giao thích ngay với cảnh sát là bạn bị mất cái gì.
- Khi bị lấy trộm xe đạp, xe máy v.v., bạn hãy thông báo với cảnh sát số khung xe và số đăng ký phòng chống mất cắp.

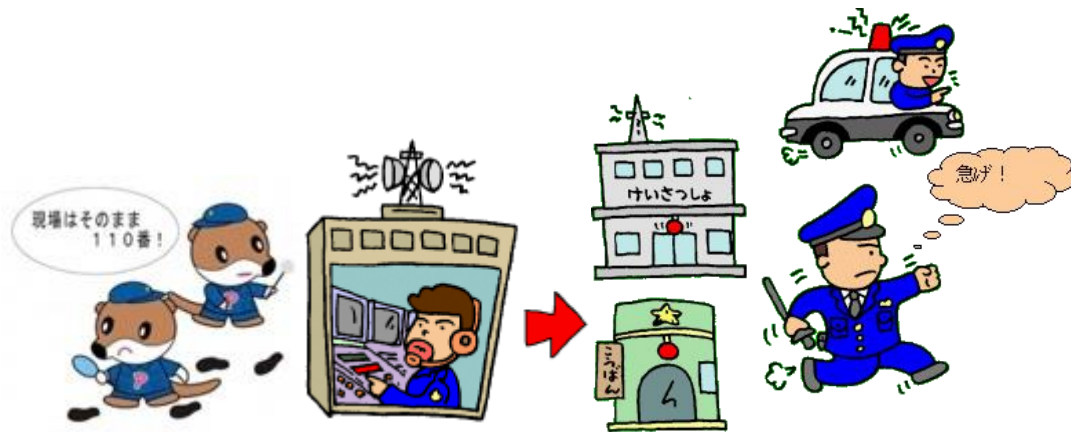
Bạn hãy ghi lại 2 dãy số này hoặc giữ cẩn thận giấy chứng nhận đăng ký phòng chống mất cắp.

< Khi bị xâm hại tình dục >

- 「Giữ nguyên hiện trường.」 「Không tắm, giặt quần áo」 Hãy thông báo cho cảnh sát nhanh nhất có thể.

Số 110, tổng đài dành cho phụ nữ (088-873-0110)

số điện thoại tư vấn về xâm hại tình dục (#8103)



強盗・窃盗被害にあった時の手順

- 直ちに110番に電話をかけるか、近くの警察署又は交番等に届け出る。
- 被害にあった場所をそのままにしておき、片づけないで下さい。
- 何が盗られたのか、直ぐに警察官に説明できるように、日頃から整頓して置いて下さい。
- 自転車やバイク等が盗まれた場合、車体番号・防犯登録番号を届け出て下さい。(日頃からこれらの番号を控えておくか、防犯登録時に貰った登録証を大事に保管して下さい。)

< 性犯罪被害に遭った時 >

- ・「現場はそのまま」「体や服を洗わず」できるだけ早く通報(110番、レディースダイヤル(088-873-0110)、性犯罪被害相談電話(#8103))して下さい。

Không tự tiện mang xe đạp, xe máy đã bỏ lâu về nhà

Ở đường phố có rất nhiều xe đạp, xe máy nhưng nếu bạn tự ý mang xe về nhà, trao đổi xe bị lấy cắp với người khác thì bạn sẽ bị xử phạt nên hãy cẩn thận nhé.

街角に沢山の自転車・バイクを置いていますが、これらを勝手に持っていったり・盗まれたことが分かっているものを譲り受けたりすれば、法律違反となり罰せられますので、注意して下さい。



Đồ bị bỏ rơi

Nếu bạn có đồ bị bỏ rơi, bỏ quên, hãy nhanh chóng liên lạc với sở cảnh sát hoặc đồn cảnh sát gần nhất và cố gắng thông báo chính xác địa điểm, thời gian bỏ rơi, bỏ quên đồ.

Nếu bạn viết tên bạn lên đồ dùng của bạn, khi bị mất đồ, đồ của bạn có thể được tìm thấy nhanh hơn.

Khi nhặt được đồ của người khác, bạn cũng hãy thông báo với cảnh sát như khi bị mất đồ.

Chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác từ bạn.



万一落とし物や忘れ物をした場合、直ぐにお近くの交番か警察署に連絡し、できるだけ正確な場所と時間を警察官にお知らせ下さい。
所持品には、なるべく名前を書くようにしておくと紛失物が早く見つかる場合があります。物を拾った場合にも同様に知らせて下さい。
ご協力お願い申し上げます。

Luật giao thông



Nguyên tắc cơ bản trong luật giao thông ở Nhật Bản là “xe ô tô đi bên trái, con người đi bên phải”.

Xe đạp hãy đi ở rìa bên trái.

< Khi lái ô tô, xe máy >

- ☐ Bạn phải mang theo bằng lái xe
- ☐ Bạn phải thắt dây an toàn, đội mũ bảo hiểm.
- ☐ Không chở thêm người khi lái xe máy nhỏ (dưới 50cc).
- ☐ Không lái xe chưa kiểm định, chưa đăng ký bảo hiểm.
- ☐ Không đỗ xe ở nơi cấm đỗ.
- ☐ Tuyệt đối không lái xe sau khi uống bia rượu.

< Biển báo giao thông >

Biển báo giao thông đường bộ là biển báo được dùng chung trên toàn thế giới.

Hãy tuân thủ đèn giao thông và các biển báo giao thông.

Những biển báo giao thông chủ yếu được đăng tải ở cuối sổ tay nên bạn hãy tham khảo nhé.

< Đường dành riêng cho xe ô tô >

Cấm người đi bộ đi vào đường dành riêng cho xe ô tô.

Ngoài ra, các loại xe 2 bánh như xe đạp, xe gắn máy, xe dưới 125cc cũng không được đi vào.

交通ルール

日本の交通ルールの基本は「車は左、人は右」です。自転車は、左端を通行して下さい。

<自動車・バイクを運転するとき>

- ☐ 運転免許証を必ず携帯する。
- ☐ シートベルト・ヘルメットは必ず着用する。
- ☐ ミニバイク(50cc以下)で二人乗りをしない。
- ☐ 車検を受けていない車、保険に入っていない車は運転しない。
- ☐ 禁止された場所で駐車しない。
- ☐ 酒を飲んだら絶対運転しない。

<道路標識>

道路標識は、世界共通の標識を使っています。信号や交通標識に従って下さい。なお、主要な道路標識はこのハンドブックの末尾に掲載していますので参照して下さい。

<自動車専用道路>

自動車専用道路への歩行者の立入は禁止されています。また、自転車・原動機付自転車・125cc以下の自動二輪車も通行できません。

Bằng lái xe

< Việc lấy bằng lái xe >

Tại Nhật Bản, khi lái xe ô tô (bao gồm cả xe máy), bạn cần có bằng lái xe.

Khi đủ 18 tuổi, bạn có thể lấy bằng lái xe 4 bánh và xe 2 bánh phân khối lớn. Khi đủ 16 tuổi, bạn có thể lấy bằng lái xe máy (trừ xe máy phân khối lớn).

< Bằng lái xe quốc tế >

Bằng lái có hiệu lực trong 1 năm kể từ ngày được cấp.

Sau khi đến Nhật, nếu bạn gửi bằng lái từ nước của bạn sang, bằng lái đó có hiệu lực trong 1 năm tính từ ngày bạn nhập cảnh vào Nhật.

< Việc đổi bằng lái sang bằng lái xe của Nhật >

Thủ tục đổi bằng lái nước ngoài sang bằng lái của Nhật được thực hiện ở Trung tâm sát hạch bằng lái xe.

Tuy nhiên, sau khi lấy bằng ở nước bạn, nếu bạn chưa sống ở nước bạn trên 3 tháng trở lên thì bằng lái xe đó không thể đổi sang bằng lái xe của Nhật.

*Bằng lái xe quốc tế chỉ có hiệu lực ở các nước là thành viên của Công ước Giao thông đường bộ (Công ước Geneva).

*Nếu bằng lái xe nước ngoài là bằng thật thì bằng lái xe của nước nào cũng có thể đổi sang bằng lái xe của Nhật.

運転免許

<運転免許の取得> 日本では、自動車(二輪を含む)を運転するには必ず運転免許が必要です。18歳以上になると四輪車と大型二輪車の運転免許を、16歳以上になると二輪車(大型二輪車を除く)の運転免許を取得することができます。

<国際運転免許証> 有効期限は、発行日より1年間です。入国後、本国から取り寄せた場合は、入国日から1年間です。

<日本の運転免許への切り替え> 外国の免許を日本の免許に切り替える手続は、運転免許センターで行います。ただし、外国の免許を取得してから、その国に通算して3ヶ月以上滞在していない場合は切り替えができません。

* 国際運転免許は、「道路交通に関する条約(ジュネーブ条約)」加盟国発給のものに限り有効です。

* 外国運転免許証は、真正なものであれば、どこかの国の免許でも日本の運転免許への切り替えの手続ができます。

< Về việc thi lý thuyết lái xe bằng tiếng nước ngoài >

Bài thi lý thuyết lái xe có bản tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt.

Những bạn muốn thi lý thuyết bằng tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt thì hãy đăng ký với trung tâm sát hạch khi làm thủ tục dự thi.

Nơi thi: Trung tâm sát hạch lái xe tỉnh Kochi

Các loại bài thi: ● Câu hỏi trong bài thi lấy bằng loại 1 (xe ô tô bình thường, xe máy, xe to đặc biệt)

● Câu hỏi trong bài thi lấy bằng tạm thời

Chú thích: Trung tâm sát hạch lái xe chỉ tiếp nhận, giải thích về kì thi, trả lời các câu hỏi liên quan đến kì thi bằng tiếng Nhật.

Những bạn không hiểu tiếng Nhật hãy đi cùng phiên dịch.

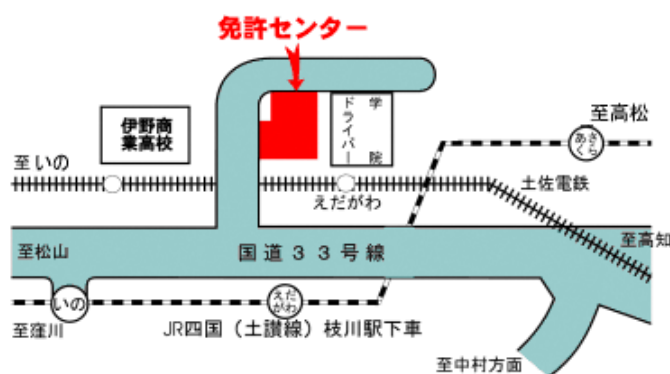
Ngày thi, hồ sơ cần thiết v.v. không có thay đổi gì cả.

< Nơi tiếp nhận tư vấn >

Trung tâm sát hạch lái xe tỉnh Kochi

200 Edagawa, Ino-cho, Agawa-gun, tỉnh Kochi

Số điện thoại 088-893-1221 (Tiếng Nhật)



外国語による運転免許学科試験の実施について

運転免許学科試験は日本語ですが、英語と中国語での学科試験も実施しています。英語または中国語での学科試験を希望される方は、申請窓口で受験手続の際に申し出て下さい。

場 所: 高知県運転免許センター

試験の種類: ●第一種免許問題(普通・自動二輪・大型特殊) ●仮免許問題(普通)

備 考: 受付、試験の説明、問い合わせ等は全て日本語対応になります。日本語を理解できない方は、通訳を同行して下さい。受験日、必要書類等については変更ありません。

<お問い合わせ先>

高知県運転免許センター 高知県吾川郡いの町枝川200 TEL(088)893-1221(日本語)

Tai nạn giao thông

- Khi bị thương do tai nạn giao thông và cần xe cấp cứu, bạn hãy gọi xe cấp cứu bằng cách bấm (quay) số 119 bằng điện thoại ở gần bạn.
- Nếu bạn gây ra tai nạn giao thông hoặc bị tai nạn giao thông, hãy trình báo với đồn cảnh sát hoặc cơ quan công an gần nhất.

Trong trường hợp khẩn cấp, hãy bấm (quay) số 110.

Nếu không thể nói được tiếng Nhật, bạn hãy đưa thẻ số 110 của người nước ngoài cho người ở xung quanh bạn và nhờ người đó gọi điện thoại giúp bạn.



交通事故

- 交通事故で怪我をして救急車が必要なときは、近くの電話から119番をダイヤルして、救急車を呼んで下さい。
- 交通事故を起こしたり交通事故にあった場合は、近くの警察署か交番の警察官に届けて下さい。急ぎの時は、電話で110番をダイヤルして下さい。

Thông báo

< Điều tra – hỏi thăm cư dân >

Để mọi người sống an toàn, cảnh sát sẽ đến nhà bạn để hỏi thăm xem bạn có gặp khó khăn gì trong cuộc sống hàng ngày hay không, lắng nghe nhu cầu và ý kiến của bạn, hướng dẫn bạn về phòng chống tội phạm và phòng chống thiên tai.

Ngoài ra, nếu có tai nạn hoặc thiên tai xảy ra, cảnh sát sẽ hỏi bạn các thông tin như tên, quốc tịch, tuổi, nơi làm việc, thông tin liên lạc khẩn cấp, v.v. để liên hệ với Đại sứ quán tại Nhật Bản.

Nếu cảnh sát đến thăm nhà bạn, bạn đừng ngại, hãy hỏi bất kì điều gì.



お知らせ

<巡回連絡とは>

皆様が安全に生活できるように、警察官が皆さんの居宅を訪問し、生活する上での困りごとはないか、警察への要望や意見を聞いたり、防犯・防災上の指導連絡や交通事故防止のための指導を行ったりします。

また、皆様の身に事故や災害が起こった場合、在日大使館へ連絡するために、名前・国籍・年齢・勤務先・非常時の連絡先等をお尋ねします。

警察官が皆様のお宅へ訪問しましたら、遠慮なく何でもご相談下さい。

< Nghĩa vụ mang theo và xuất trình các giấy tờ tùy thân như hộ chiếu, thẻ cư trú >

Nếu bạn đang ở Nhật Bản (bao gồm cả việc đi du lịch), luật pháp Nhật Bản yêu cầu bạn phải mang theo giấy tờ chứng minh nhân thân như hộ chiếu v.v.

Ngoài ra, nếu bạn bị cảnh sát yêu cầu xuất trình hộ chiếu, v.v., bạn phải xuất trình. (Trừ những người dưới 16 tuổi)

* Nếu bạn không mang theo hộ chiếu hoặc từ chối xuất trình, bạn sẽ bị phạt lên tới 100.000 yên

* Nếu không mang theo thẻ lưu trú, bạn sẽ bị phạt lên tới 200.000 yên và nếu từ chối xuất trình, bạn sẽ bị phạt tù tới 1 năm hoặc phạt tiền lên tới 200.000 yên

< Cấm lưu trú bất hợp pháp – làm việc bất hợp pháp >

Bạn không được ở lại hoặc tham gia vào các hoạt động vượt quá thời gian lưu trú hoặc tình trạng cư trú do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp cho bạn tại thời điểm nhập cảnh.

* Nếu bạn ở lại Nhật quá thời gian lưu trú, bạn sẽ bị phạt tù tới 3 năm, phạt tiền lên tới 3 triệu yên hoặc cả hai.

* Nếu bạn làm việc ngoài phạm vi tư cách lưu trú của mình, bạn cũng sẽ bị kết án tù lên tới 3 năm, phạt tiền lên tới 3 triệu yên hoặc cả hai.

< 旅券・在留カードなどの身分を証明する物の携帯義務と呈示義務 >

皆様が日本に滞在(観光を含む)する場合、日本の法律では、旅券などあなたの身分を証明する物を必ず携帯するよう義務付けています。また、警察官等から旅券などの呈示を求められた場合、呈示しなければならないよう義務付けられています。(16歳未満の者を除く)

* 旅券不携帯の場合、または、その呈示を拒んだ場合、「10万円以下の罰金」。

* 在留カードを携帯していない場合、「20万円以下の罰金」、呈示を拒んだ場合「1年以下の懲役又は20万円以下の罰金」。

< 不法残留・不法就労の禁止 >

皆様は、入国するときに入国管理局から与えられた「在留期間」「在留資格」の範囲を超えて残留し、活動することはできません。

* 「在留期間」を超えて残留した場合は、「3年以下の懲役若しくは禁固若しくは300万円以下の罰金又はその両方」。

* 「在留資格」の範囲外で働いた場合も同じく「3年以下の懲役若しくは禁固若しくは300万円以下の罰金又はその両方」に処せられます。

Biển báo giao thông		
① Cấm vào 通行止め 	② Đường một chiều 一方通行 	③ Cấm các phương tiện lưu thông 車両進入禁止 
④ Đường dành riêng cho xe ô tô 自動車専用	⑤ Dừng lại 一時停止 	⑥ Vạch kẻ đường 横断歩道 
⑦ Tốc độ tối đa 最高速度 	⑧ Cấm quay đầu 転回禁止 	⑨ Cấm đỗ xe (8:00~20:00) 駐車禁止(8:00-20:00) 
⑩ Cấm xe lưu thông 車両通行止め 	⑪ Cấm lưu thông vào hướng không có trên biển báo 指定方向外進行禁止 	⑫ Cấm dừng và đỗ xe (8:00~20:00) 駐停車禁止 (8:00-20:00) 
⑬ Đường có làn rẽ chuyên dụng 進行方向別通行区分 	⑭ Cấm đi lẫn sang - đi sang làn bên phải để vượt 追越しのための右側部分はみ出し通行禁止・追越し禁止 	⑮ Đường dành cho xe đạp và người đi bộ 自転車及び歩行者専用 

Thông tin

	Tên	Điện thoại	Địa chỉ	Tiếng Anh
	名 称	電 話	住 所	英 語
◎interpreter				
1	高知警察署 Sở cảnh sát Kochi	088-822-0110	1-9-20 Kitahonmachi, thành phố Kochi	◎
2	高知南警察署 Sở cảnh sát Kochiminami	088-834-0110	4-15-11 Sanbashidoori, thành phố Kochi i	◎
3	高知東警察署 Sở cảnh sát Kochihigashi 本山警察庁舎 Sở cảnh sát Motoyama	088-866-0110 0887-76-0110	807-1 Otsu, thành phố Kochi 850-1 Motoyamacho, Nagaokagun	
4	室戸警察署 Sở cảnh sát Muroto	0887-22-0110	5523-1 Murotomisakicho, thành phố Muroto	
5	安芸警察署 Sở cảnh sát Aki	0887-34-0110	2-9-2 Yanomaru, thành phố Aki	
6	南国警察署 Sở cảnh sát Nankoku 香南警察庁舎 Sở cảnh sát Konan 香美警察庁舎 Sở cảnh sát Kami	088-863-0110 0887-55-0110 0887-52-0110	799-1 Osoneotsu, thành phố Nankoku 1375 Akaokacho, thành phố Konan 12-2 Sakaemachi, Tosayamadacho, thành phố Kami	◎
7	土佐警察署 Sở cảnh sát Tosa いの警察庁舎 Sở cảnh sát Ino	088-852-0110 088-893-1234	1842-1 Takaokacho, thành phố Tosa 1290-4 Inocho, Agawagun	
8	佐川警察署 Sở cảnh sát Sakawa	0889-22-0110	3555 Sakawaei, Sakawacho, Takaokagun	◎
9	須崎警察署 Sở cảnh sát Susaki	0889-42-0110	1-8 Yamatecho, thành phố Susaki	
10	窪川警察署 Sở cảnh sát Kubokawa	0880-22-0110	4-19 Sakakiyama, Shimantocho, Takaokagun	
11	中村警察署 Sở cảnh sát Nakamura 清水警察庁舎 Sở cảnh sát Shimizu	0880-34-0110 0880-82-0110	2034-17 Uyama, thành phố Shimanto 3-5 Saiwaicho, thành phố Tosashimizu	
12	宿毛警察署 Sở cảnh sát Sukumo	0880-63-0110	7-54 Saiwaicho, thành phố Sukumo	